TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HN-ST
Ngày 17-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T -TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ngoan

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Trúc N, sinh năm 1991; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BT, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1991; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CHB, xã NH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2020 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nguyên đơn chị Phan Thị Trúc N trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2019 chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Lê Minh Đ, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Lúc đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên bất đồng quan điểm sống và tình cảm vợ chồng lạnh nhạt hai bên không còn quan tâm lẫn nhau nên ly thân từ tháng 09/2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

- Tại hồ sơ vụ án và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án bị đơn anh Lê Minh Đ trình bày:

Anh thống nhất với phần trình bày của chị Phan Thị Trúc N về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay theo yêu cầu của chị N thì anh đồng ý ly hôn, vì anh nhận thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ khai không có nên nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Trúc N yêu cầu ly hôn anh Lê Minh Đ, đây là vụ kiện "*Tranh chấp ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Lê Minh Đ có nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện T, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Phan Thị Trúc N và anh Lê Minh Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị Trúc N và anh Lê Minh Đ xác lập quan hệ hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và trong quá trình chung sống anh chị cũng thể hiện là một gia đình hạnh phúc, tuy

nhiên lúc đầu cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẩn do hiểu lầm nhau dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và chị N, anh Đ đều thừa nhận hiện nay hai bên không còn tình cảm với nhau nên anh chị đã ly thân từ tháng 09 năm 2019 cho đến nay. Tại hồ sơ vụ án chị N, anh Đ đều thống nhất thuận tình ly hôn nhưng Tòa án không công nhận sự thuận tình ly hôn đó, bởi vì việc kết hôn của anh chị không đăng ký theo qui định của pháp luật.

Do chị N và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét xử bằng một bản án tuyên bố không công nhận chị N và anh Đ là vợ chồng.

[4]. *Về con chung, về tài sản chung và nợ chung*: Do chị N, anh Đ đều thống nhất khai không có con chung, tài sản chung. nợ chung và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Phan Thị Trúc N phải chịu áp phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Phan Thị Trúc N và anh Lê Minh Đ là vợ chồng.

2. *Về con chung*, v*ề tài sản chung và nợ chung*: Do chị Phan Thị Trúc N và anh Lê Minh Đ đều thống nhất khai không có con chung, tài sản chung, nợ chung và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về án phí*: Chị Phan Thị Trúc N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007626

ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú của các đương sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*"./.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã NH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Ngoan